

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN SƠN  
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Nhạn

Bà Hà Thị Huân

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Bàn Thị Kiều, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2023 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm ĐC, xã MT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản BH, xã NM, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Phạm Văn T được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/11/2016 tại UBND xã NM, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do tính cách vợ chồng không hợp, điều kiện hoàn cảnh gia

đình khó khăn nên chị N đã chuyển về bên nhà bố mẹ đẻ ở xã MT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình để sinh sống. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, anh T cũng không có quan tâm, chăm sóc, chu cấp gì cho vợ con.

Đến năm 2019, anh T bỏ nhà ra đi không bàn bạc với gia đình và đến nay không có tin tức gì. Ngày 05/12/2022, chị N đã nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn tuyên bố anh T mất tích. Ngày 10/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố anh T mất tích. Đến nay chị N thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh Tươi có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 13/3/2017. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố mất tích, đến nay không rõ địa chỉ ở đâu. Tại Biên bản làm việc ngày 08/6/2023, Ông Phạm Văn N là bố đẻ của anh T cho biết anh T đi biệt tích từ năm 2019 đến nay không có tin tức gì, anh T cũng không trở về gia đình, địa phương. Ông N cho biết vợ chồng chị N anh T đã ly thân từ năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, từ lúc sinh ra cháu đã ở với mẹ. Gia đình có một mình ông rất khó khăn, già yếu không có thu nhập nên đề nghị để cháu B cho mẹ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T nhưng anh T vắng mặt. Do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng phiên tòa ngày 09/8/2023 anh T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại phiên tòa hôm nay, anh T là bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án HNGĐ ngày 20/7/2023, Ông Vi Văn Ch –Trưởng bản BH, xã NM cho biết: Chị N

và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/11/2016 tại UBND xã NM, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn không lâu thì thấy chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã MT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình để sinh sống không thấy hai vợ chồng quay lại thăm nom nhau. Từ năm 2019 thì anh T bỏ nhà đi mất tích, không có tin tức gì. Gia đình và Tòa án đã đăng tin tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của anh T cũng không thấy anh T trở về nhà.

Về con chung, chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 13/3/2017. Hiện cháu B đang ở với chị N. Ông Ch thấy nên tiếp tục cho cháu B ở với mẹ để sẽ chăm sóc nuôi dạy phát triển tốt hơn. Về tài sản chung, chị N và anh T không thấy có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng có tình vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 13/3/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Bị đơn cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại bản BH, xã NM, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 09/8/2023, anh T vắng

mặt không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về hôn nhân: chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã NM, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, đi lại với nhau nữa. Từ năm 2019 anh T đã bỏ nhà đi biệt tích. Gia đình, chị N và Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn đã thông báo tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không nhận được thông tin nào xác thực là anh T còn sống hay đã chết. Ngày 10/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố anh T mất tích. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh T, quá trình giải quyết anh T không đến Tòa án làm việc và đến nay cũng không có tin tức gì. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm và tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 13/3/2017. Hiện cháu đang ở với chị N. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân, cháu B vẫn ở với chị N, để tránh sự xáo trộn về tâm sinh lý, học tập của cháu nên HĐXX chấp nhận giao cháu B cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của chị N nên HĐXX chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T đều vắng mặt, nếu sau này anh T có nguyện vọng về việc thay đổi người nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì anh T có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về tài sản: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N; Cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 13/3/2017 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0006317 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quan Sơn (3bản);
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- UBND xã NM, huyện Quan Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Bàn Hữu Văn**